

SƠ ĐỒ LÝ LẼ - CƠ SỞ TẠO LẬP VÀ TIẾP NHẬN LẬP LUẬN (QUA MỘT TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ)

NGUYỄN DIỆU THƯƠNG *

Tóm tắt: Bài viết trình bày sự phân loại lý lẽ và một số kiểu sơ đồ lý lẽ trong một trường hợp cụ thể - lập luận qua 2 phiên chất vấn trên diễn đàn Quốc hội Việt Nam. Các sơ đồ lý lẽ này là các sơ đồ lý lẽ tổng quát được sử dụng trong ngôn ngữ tự nhiên. Bài viết cũng khẳng định vai trò của các sơ đồ lý lẽ trong quá trình tạo lập, tiếp nhận lập luận. Từ đó xác định quy trình tạo lập, tiếp nhận lập luận từ các sơ đồ lý lẽ.

Từ khóa: Lý lẽ, sơ đồ lý lẽ, lập luận, tạo lập lập luận, tiếp nhận lập luận.

Abstract: The paper presents the classification of reasonings and some types of reasoning diagrams in a specific case - arguments through 2 question-and-answer sessions on the forum of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam. These are general reasoning diagrams used in natural languages. The paper also affirms their role in the process of creating and receiving arguments, thereby determining the process of creating and receiving arguments from the reasoning diagrams.

Keywords: Reasonings, reasoning diagrams, arguments, creating arguments, receiving arguments.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu về lập luận và tư duy phản biện đã và đang là xu hướng nghiên cứu phát triển mạnh mẽ cả phương diện lý luận và thực tiễn ở trên thế giới. Trong khi đó, tại Việt Nam, việc nghiên cứu, giảng dạy về lập

luận vẫn còn nhiều hạn chế (xem thêm [4]). Nghiên cứu về lập luận ở Việt Nam chủ yếu nói đến với quan điểm cấu trúc truyền thống từ các tiền đề (dẫn chứng, lý lẽ) đến kết luận. Giảng dạy lý lẽ trong chương trình giáo dục chưa được chú ý đúng mức. Chúng tôi đồng tình với quan điểm của tác giả Nguyễn Đức Dân [3] cho rằng, dạy lập luận cần phải hướng đến yếu tố “xương sống” là lý lẽ.

Có thể nhận thấy việc xác định một lập luận, nhất thiết phải tìm ra được lý lẽ. Nếu không có lý lẽ thích hợp, lập luận đó chỉ là lập luận yếu, sai dựa trên sức mạnh quyền uy. Lý lẽ là thành tố thể hiện mối quan hệ suy luận trong lập luận. Suy luận là một quá trình nhận thức hiện thực một cách gián tiếp; từ một hoặc một số phán đoán đã biết, chúng ta suy ra một phán đoán mới để phản ánh đối tượng nhận thức. Phương pháp suy luận logic gồm: suy luận diễn dịch, suy luận quy nạp và suy luận loại suy. Có thể lập luận trong ngôn ngữ tự nhiên không chỉ tuân theo các suy luận logic mà còn dựa trên căn cứ là các lẽ thường. Vì vậy, lý lẽ trong lập luận cũng có thể được chia thành 2 loại: lý lẽ logic/lý lẽ theo logic hình thức và lý lẽ đời thường (trong ngôn ngữ tự nhiên). Các lý lẽ chính là yếu tố biện minh (warrant - W) trong mô hình

* ThS - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: thuongnd@tnue.edu.vn

lập luận S. Toulmin (xem thêm [2], [4], [8]). Các lý lẽ này có thể được khái quát thành các kiểu sơ đồ. Mỗi sơ đồ cho biết nội dung về các trường bất biến và trường phụ thuộc. Trong đó, trường bất biến gồm mối quan hệ suy luận, các yếu tố hạn định (qualifier) cho kết luận; các yếu tố tham số (dữ kiện (d- data), tuyên bố (c- conclusion/claim)) sẽ là các yếu tố thuộc trường phụ thuộc. Các tham số này sẽ thay đổi theo ngữ cảnh, bối cảnh lập luận. Khi xây dựng lập luận, hiện thực hóa các tham số phụ thuộc trong sơ đồ lý lẽ, ta được các lập luận cụ thể. Mỗi sơ đồ lý lẽ chứa các yếu tố quy định về điều kiện dùng. Đó chính là cơ sở để đánh giá các lập luận trong thực tế. Các lập luận đảm bảo các điều kiện dùng này sẽ là những lập luận tốt và ngược lại.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này nghiên cứu dựa trên phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study). Từ kết quả khảo sát thực tế các lý lẽ sử dụng tại 2 phiên chất vấn (Quốc hội khóa XIII) trên diễn đàn Quốc hội Việt Nam, bài viết đã phân tích, trừu tượng hóa, khái quát hóa để xây dựng các sơ đồ lý lẽ theo các quy tắc suy luận của logic hình thức và logic phi hình thức. Dựa trên các sơ đồ lý lẽ, bài viết đã đưa ra sự gợi dẫn về các bước tiến hành tiếp nhận lập luận và tạo lập lập luận theo cách hiện thực hóa quá trình suy luận.

Nguồn ngữ liệu được lấy từ cổng thông tin điện tử chính thức của Quốc hội Việt Nam (<http://quochoi.vn>).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Các sơ đồ lý lẽ

3.1.1. Khảo sát các kiểu lý lẽ

Để xác định các kiểu lý lẽ và sơ đồ lý lẽ,

chúng tôi tiến hành khảo sát các kiểu lý lẽ (thực tế) sử dụng qua 206 lập luận trong các lượt lời hỏi và trả lời tại 2 phiên chất vấn (Quốc hội khóa XIII) trên diễn đàn Quốc hội Việt Nam. Kết quả được thể hiện ở *Bảng 1*.

Lý lẽ		Số lượng (lượt)	Tỉ lệ (%)
<i>Lý lẽ theo giá trị</i>	Lý lẽ (/theo) (căn cứ) pháp luật	16	6,6
	Lý lẽ (/theo) thực tế tồn tại	29	12,0
	Lý lẽ (/theo) số liệu/con số	4	1,7
	Lý lẽ (/theo) quyền uy cá nhân người nói	21	8,7
	Lý lẽ (/theo) quyền uy cá nhân, tổ chức khác	9	3,7
<i>Lý lẽ theo quan hệ nhân quả (/lý lẽ nhân quả)</i>		151	62,4
<i>Lý lẽ so sánh theo thang độ</i>		1	0,4
<i>Lý lẽ theo phương pháp chất vấn</i>		11	4,5
Tổng		242	100

Bảng 1. Các loại lý lẽ trong các lượt lời (qua phiên chất vấn)

3.1.2. Phân tích lý lẽ qua một trường hợp

Kết quả khảo sát các lý lẽ trong 206 lập luận qua các lượt hỏi và trả lời tại 2 phiên chất vấn trên cũng như trong các phiên họp, kỳ họp khác cho thấy lý lẽ sử dụng trong thực tế ngôn ngữ tự nhiên rất đa dạng. Chúng có thể kết hợp thành chuỗi kết hợp của nhiều loại lý lẽ khác nhau hợp thành lập luận chặt chẽ. Xét ví dụ sau:

(1) *Vừa qua, sự cố về môi trường của 4 tỉnh Miền Trung do Formosa gây ra là một bài học xương máu. Khi trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan chưa được làm rõ một cách quyết liệt thì Bộ Công thương tiếp tục bổ sung quy hoạch dự án thép Cà Ná của Tập đoàn Hoa Sen tại Ninh Thuận. Điều bất thường là dự án này không nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt trước đó. **Bất chấp** sự phản đối gay gắt của dư luận, **bất chấp** sự lo lắng, hoang mang của người dân và **bất chấp** sự phản biện, cảnh báo mạnh mẽ của các chuyên gia kinh tế môi trường về*

nguy cơ ô nhiễm môi trường biển, **không chỉ** ở vùng biển Ninh Thuận **mà còn** ảnh hưởng các vùng biển lân cận trong đó có Khánh Hòa, có Phú Yên.

Tôi đề nghị Bộ trưởng hãy trả lời thẳng, trả lời thật với cử tri cả nước những vấn đề sau:

Dù chỉ là bổ sung quy hoạch **nhưng** dự án đã đi ngược lại với chủ trương của Chính phủ là đánh đổi môi trường. **Một, vậy có hay không** việc xuất hiện lợi ích nhóm trong việc bổ sung quy hoạch dự án?

Hai, có hay không việc Bộ đang chạy theo doanh nghiệp để làm dự án. Đầu tư quy hoạch **hay** quy hoạch theo đầu tư? **Với** tư duy khoa học của các chuyên gia kinh tế, môi trường đã nhận định và cảnh báo về dự án này. **Với** hậu quả của người dân vô tội của các tỉnh Miền Trung đang nhận lấy và với phát biểu của Bộ trưởng về vấn đề phát triển kinh tế và ô nhiễm môi trường trong thời gian vừa qua. Đó là bất chấp việc đánh đổi hay hủy hoại môi trường là một tội ác. **Vậy, việc** bất chấp những phản biện khoa học, tâm huyết của các chuyên gia để cơ quan chức năng bổ sung quy hoạch dự án này có được xem là hành vi dẫn đến tội ác hay không?

Ví dụ trên là một lời chất vấn có sử dụng kết hợp chuỗi các lý lẽ. Các lý lẽ này có thể được xác định như sau:

- W1 (lý lẽ dựa vào thực tế lịch sử): sự cố Formosa đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và chưa được xử lý triệt để.

- W2 (lý lẽ căn cứ pháp luật: quy định về các chính sách): phải được xét duyệt quy hoạch, mới được quy hoạch.

- W3 (lý lẽ theo số đông): đa số thắng thiểu số, làm theo ý kiến số đông.

- W4 (lý lẽ nhân quả viển vông đến cảm xúc): thực hiện A tạo ra hệ quả cảm xúc x. Không nên để x xảy ra (- x) thì đừng A (quy tắc

Modus Tollens).

- W5 (lý lẽ uy tín các chuyên gia): chuyên gia lĩnh vực X nói không nên làm X thì là không nên.

Cấu trúc làm A *không chỉ dẫn đến m ... mà còn n* (m, n có tính chất tiêu cực) có logic suy luận là: ở mức độ m đã không nên A, $n > m$; đồng thời $[n, m]$ thì càng không nên A. Lý lẽ này có thể được trình bày bằng sơ đồ như sau:

Nếu $A \rightarrow m \Rightarrow$ nên - A (bỏ A- theo lẽ thường/số đông/ý kiến chuyên gia) (1)

Có $A \rightarrow [m \wedge n]$ và $n > m \Rightarrow (A \rightarrow m) \wedge (A \rightarrow n)$ (2)

Từ (1) và (2), suy ra, càng nên - A (bỏ A: bỏ quy hoạch dự án thép Cà Ná).

Cấu trúc đó đã tạo ra giá trị nhân mạnh lý lẽ chung về sự ảnh hưởng, tác động đối với môi trường ở quy mô rộng hơn.

- W6 (lý lẽ cho kết luận là câu hỏi chất vấn thứ nhất) lý lẽ là các quy tắc: Hypothetical Syllogism (HS), Disjunctive Syllogism (DS), Modus Tollens (MT).

Để phân tích cụ thể các lý lẽ của lập luận trên, cần thực hiện các bước sau:

Bước 1: ta có quy ước ký hiệu các mệnh đề như sau

+ quy hoạch dự án thép Cà Ná: A

+ môi trường bị tác động: B

+ lợi ích nhóm: C

Bước 2: Phân tích quá trình suy luận 1

$C \rightarrow A$ (tiền giả định trong câu hỏi chất vấn)

$A \rightarrow B$ (theo các lý lẽ W1, W2, W3, W4, W5)

Nên: $C \Rightarrow B$ (quy tắc HS)

Mà muốn - $B \Rightarrow$ - C (quy tắc MT). Nên phải chất vấn để loại trừ C.

Bước 3: Phân tích quá trình suy luận 2

Theo tiền giả định tồn tại của diễn ngôn cho biết:

- B (*môi trường không bị tác động*) hoặc C (*lợi ích nhóm*), - (- B) (*đánh đổi môi trường*) $\Rightarrow$ C (quy tắc DS).

Thoạt nhìn, đây là một suy luận yếu vì tiền đề (-B) hoặc C không là điều kiện duy nhất để có A. Lập luận này đã chuyển sự lựa chọn (-B) và C là tiền đề ưu tiên và duy nhất, nhưng thực chất còn có thể có sự lựa chọn tiền đề D- vì *sự phát triển kinh tế* (Vì vậy, ở câu trả lời, người trả lời có phủ định mục đích này, khẳng định mục đích: A là để phát triển kinh tế bền vững). Nhưng, nếu để *phát triển kinh tế* mà bất chấp đến *môi trường*, lại tạo hàm ý: coi thường yếu tố cuộc sống của người dân. Quá trình suy ý này có thể khái quát thành sơ đồ như sau:

$$(-B) \vee C \vee D; D \Rightarrow -[(-B) \wedge C] \Leftrightarrow [B \wedge -C]. (*)$$

Như vậy, theo sơ đồ lập luận này, nếu chấp nhận giả thiết D (vì phát triển kinh tế bền vững) thì đồng nghĩa với việc không tồn tại *lợi ích nhóm* (- C) nhưng đồng thời lại tồn tại *môi trường bị tác động* (B).

Mặt khác, sự *phát triển kinh tế* (D) muốn bền vững phải lấy cơ sở môi trường là điều kiện nền tảng (không chấp nhận B) [môi trường là yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững (theo quy luật phát triển kinh tế, quan điểm này sau đó đã được khẳng định tại văn bản kết luận số 56-KL/TW ngày 23.08.2019)]. Vậy nên, trường hợp này, $D \Rightarrow -B$. (**).

Từ (*) và (**), ta có: $[D \wedge B] \wedge [D \wedge -B]$ (vi phạm quy tắc cấm mâu thuẫn) $\Rightarrow -D$ (không chấp nhận được giả thiết vì *sự phát triển kinh tế bền vững*).

Do đó, kết luận là câu hỏi chất vấn *có hay không việc xuất hiện lợi ích nhóm trong việc bổ sung quy hoạch dự án?* là một lời chất vấn chặt chẽ, đánh thép.

- W7 (lý lẽ cho câu hỏi chất vấn thứ hai):

Câu hỏi CV thứ hai có hình thức trình bày diễn dịch. Ta có quy ước về các ký hiệu như sau:

+ *đầu tư theo quy hoạch*: a

+ *quy hoạch theo đầu tư*: - a

+ *cảnh báo của các chuyên gia kinh tế, môi trường*: m

+ *hậu quả của người dân vừa qua*: n

+ khẳng định *vấn đề phát triển kinh tế và ô nhiễm môi trường* của Bộ trưởng: g

+ *bất chấp, đánh đổi môi trường*: h

+ *tội ác*: i

Ta có: $m \Rightarrow -h$, vậy $-m \Rightarrow h$ (quy tắc Modus Ponens) (1)

$n \Rightarrow -h$

$g \Rightarrow -h$

mà $h \Rightarrow i$ (tiền giả định tồn tại - là một lý lẽ theo quan điểm xã hội) (2)

Vậy, có hay không: $-m \Rightarrow i$ (câu hỏi chất vấn)

Câu chất vấn đã dựa trên suy luận có tính chất bắc cầu từ các tiền đề (1) và (2). Theo quy tắc HS, $-m \Rightarrow i$ là tất yếu, hiển nhiên. Như vậy, chất vấn về một sự thật hiển nhiên sẽ là một lời khẳng định tu từ đánh thép, hùng hồn: bất chấp lại những phản biện khoa học, tâm huyết để bổ sung quy hoạch dự án này là/dẫn đến tội ác [tồn tại tội ác (3)].

Lý lẽ cho câu chất vấn: *Hai, có hay không việc Bộ đang chạy theo doanh nghiệp để làm dự án. Đầu tư quy hoạch hay quy hoạch theo đầu tư?* có thể được phân tích như sau:

$a \Rightarrow -i$ (lý lẽ là lẽ thường gắn với ngữ cảnh: nếu đầu tư đúng theo quy hoạch có tính toán cân nhắc sự phát triển kinh tế sẽ không là/dẫn đến/gây ra tội ác).

Nên $-a \Rightarrow i$ (a là điều kiện cần để không i)

Ta có $(a \Rightarrow -i) \vee (-a \Rightarrow i)$ (tiền giả định

tồn tại theo câu chất vấn: đầu tư theo quy hoạch hay quy hoạch theo đầu tư) (4).

Từ (3) và (4), suy ra: - a (quy hoạch theo đầu tư). Thêm một lần chất vấn về một kết quả hiển nhiên của chuỗi suy luận logic sẽ là lời khẳng định tu từ xác đáng: tồn tại hiện tượng quy hoạch theo đầu tư. Điều này cũng có nghĩa là Bộ đang chạy theo doanh nghiệp để làm dự án. Chất vấn về một hệ quả tất yếu cũng là một kiểu lập luận khẳng định tu từ có sức thuyết phục mạnh mẽ.

3.2. Một số kiểu lý lẽ và sơ đồ lý lẽ

Từ sự phân tích các ví dụ cụ thể (xem thêm [8]), có thể kể ra một số kiểu sơ đồ lý lẽ như sau:

3.2.1. Lý lẽ thực tế tồn tại

Đây là loại lý lẽ có tính linh hoạt nhất. Chúng có thể là bất cứ hiện thực khách quan nào đó được đặt làm cơ sở cho một kết luận khẳng định. Loại lý lẽ này có kết luận chính là dữ kiện. Chúng có dạng sơ đồ như sau:

Thực tế $d \Rightarrow c$ (chính là d)

Sơ đồ 1. Lý lẽ thực tế tồn tại

Loại lý lẽ thực tế tồn tại này nếu không được sử dụng kết hợp với các kiểu lý lẽ khác đảm bảo sự tin cậy chắc chắn (số liệu, căn cứ pháp luật,...) thì sẽ thành loại lý lẽ yếu hoặc sai kiểu “niềm tin cá nhân”.

3.2.2. Lý lẽ nhân quả

Lý lẽ nhân quả có thể là mối quan hệ nhân quả thuộc về các quy luật tất yếu khách quan, mối quan hệ tự nhiên hay kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, mối quan hệ nhân quả này cũng có thể là mối quan hệ về các lẽ thường (không có tính tất yếu) gắn liền với các đặc điểm cộng đồng, xã hội, cá nhân hoặc đặc điểm đặc thù dân tộc,... Có thể kể ra các loại lý lẽ nhân quả:

- Lý lẽ nhân quả điều kiện cần:

Chẳng hạn: *Giáo dục là con đường thay đổi nhận thức* (lấy giáo dục làm cơ sở, nền tảng để thay đổi nhận thức); *Cần lấy “vật chất” giải quyết “vật chất”* (cần phải hành động để thay đổi);...

$d \Rightarrow c$ (d là điều kiện cần của c)

- $d \Rightarrow -c$

Muốn c , cần d

Sơ đồ 2. Lý lẽ nhân quả điều kiện cần

- Lý lẽ nhân quả theo lẽ thường/quan điểm cộng đồng, xã hội:

Chẳng hạn, lý lẽ nhân quả là quan niệm *phẩm chất cần có của một con người toàn diện*,...

$d \Rightarrow c$ (w : lẽ thường, quan điểm của cộng đồng/xã hội X , q : *thường, chỉ xét ở cộng đồng X*)

Sơ đồ 3. Lý lẽ nhân quả theo lẽ thường, quan điểm cộng đồng/xã hội

- Lý lẽ nhân quả viện đến hậu quả:

Có một dạng điển hình của lý lẽ nhân quả là viện đến hậu quả “đúng, thuyết phục hơn, hợp lý hơn thì nên làm/theo” và “không đúng, không hợp lý thì không nên làm/theo”.

Nếu $d \Rightarrow c$

Thì - $c \Rightarrow -d$ (quy tắc MT)

Sơ đồ 4. Lý lẽ nhân quả viện đến hậu quả

- Lý lẽ nhân quả theo đặc thù dân tộc:

Dân tộc ta có quan điểm: *Đảng phải gần dân, trọng dân, Nhà nước là của dân, do dân và vì nhân dân phục vụ*. Điều này được thấy ở rất nhiều trường hợp khác và đã thành nếp cảm, nếp nghĩ sâu sắc và có sức mạnh lập luận tốt.

$d \Rightarrow c$ (w- nếu $A \rightarrow B$): là một đặc tính, quan điểm riêng của một dân tộc, d: thuộc về dân tộc đó, q: chỉ cho dân tộc đó)

Sơ đồ 5. Lý lẽ nhân quả theo đặc thù dân tộc

3.2.3. Lý lẽ theo thang độ

Mọi sự vật, sự việc của hiện thực khách quan đều có những thuộc tính nhất định. Có thể có phép so sánh cùng một đặc điểm giữa các đối tượng đồng loại, hoặc có phép so sánh các mức độ khác nhau khi nói đến các thuộc tính của một sự vật, sự việc. Những thuộc tính này lại được phân loại và nhìn nhận, đánh giá theo những thang độ tiêu chuẩn. Có những thang độ đánh giá theo lẽ thường gắn với tư duy phổ quát nhưng cũng có thể là những lẽ thường gắn liền với đặc thù tư duy dân tộc hoặc chỉ là điểm nhìn của một nhóm người, một cá thể. Chẳng hạn, đại biểu đã nêu ra lý lẽ thang độ gắn liền với quan điểm “sinh mạng người dân là trên hết” khi lập luận về việc phải xử lý phao kém chất lượng.

$d1, d2$ đều $x \subset X$
 $d2(x) > d1(x)$ (thang độ $d1, d2$ có thể dựa trên tiêu chí khách quan hoặc lẽ thường)
 $d2(x) \Rightarrow M, d1(x) \Rightarrow N$
 $\Rightarrow (c) M$ [q: thường (nếu thang độ $d1, d2$ là lẽ thường, không phải bản chất tất yếu)]

Sơ đồ 6. Lý lẽ theo thang độ

3.2.4. Lý lẽ theo số đông (số đông là đúng)

Đây là loại lý lẽ mà kết luận chính là ý kiến của đa số.

Có $x1, x2, x3, x4 \dots xn \subset X$ (người)
 $x1$ cho rằng M
 $x2$ cho rằng M
 $\dots$
 xn cho rằng M
 $\Rightarrow (c) M$ đúng (q: thường/ có thể)

Sơ đồ 7. Lý lẽ (/theo) số đông

3.2.5. Lý lẽ theo căn cứ pháp luật

Dạng lý lẽ này có thể nhận thấy qua các quan điểm: *thượng tôn pháp luật, phạt tội đúng người, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật,...*

$x \subset$ quy định/ điều luật của nước X
 $A \subset x$
 $c: A \Rightarrow$ (phải/ sẽ) X (q: chỉ xét ở nước X)

Sơ đồ 8. Lý lẽ (/theo) pháp luật

3.2.6. Lý lẽ quyền uy

Lý lẽ quyền uy có thể là lý lẽ dựa trên quyền lực, uy tín (báo chí, người có uy tín trong những lĩnh vực cụ thể đã được xã hội công nhận).

A có thẩm quyền trong lĩnh vực X
A nói rằng x
 $c = x$ (q: chỉ x thuộc thẩm quyền A đồng thời $x \subset X$)

Sơ đồ 9. Lý lẽ theo thẩm quyền

A có uy tín, là chuyên gia trong lĩnh vực X
A nói rằng: x
 $c = x$ (q: chỉ $x \subset X$ và chỉ x là kết quả A đã nghiên cứu (bằng phương pháp tin cậy hoặc được đánh giá tốt) thuộc X)

Sơ đồ 10. Lý lẽ (/theo) uy tín chuyên gia

3.2.7. Lý lẽ theo phương pháp chất vấn

d: $x = -y$
 $\rightarrow y = -x$ (MT)
w: $x = y$ (tiền giả định)
 $\rightarrow x = -x$ (HS) (vô lý)
Do đó c: tại sao/ có đúng d không?

Sơ đồ 11. Lý lẽ theo phương pháp chất vấn

3.3. Phân tích, xây dựng lập luận từ các sơ đồ lý lẽ

Mặc dù các lý lẽ được sử dụng qua phiên chất vấn rất đa dạng, gắn liền với các ngữ cảnh khác nhau, nhưng chúng đều có thể xác định, quy về các sơ đồ lập luận đặc thù. Các sơ đồ lý lẽ này vừa là công cụ phân tích, đánh giá; vừa là công cụ để tạo lập các lập luận trên các căn cứ về mối quan hệ xác định.

Lý lẽ có thể được trình bày dưới dạng tường minh hoặc hàm ẩn. Đối với dạng hàm ẩn, xác định các lý lẽ hàm ẩn chính là xác định các tiền giả định thuộc về cơ sở suy luận cho diễn ngôn lập luận. Tiền giả định này phải quan yếu đến cả tiền đề, kết luận và thể hiện được mối quan hệ giữa chúng. Nên, về hình thức, nó sẽ được đánh dấu với yếu tố nào đó trong luận cứ và kết luận. Chẳng hạn lập luận:

(2) “Trong hội nghị Diên Hồng này, **nếu** có thể lực thù địch **thì** nó **chỉ** ngự trị trong suy nghĩ của những người quy chụp”. Lập luận này được đánh dấu bằng các chỉ dẫn *nếu...thì* thể hiện mối quan hệ điều kiện - kết quả; tác từ *chỉ* phản ánh sự tồn tại duy nhất. Có tiền giả định tồn tại: *thể lực thù địch, những người quy chụp*. Quy chụp có nghĩa là quy lỗi cho người khác theo kiểu chụp mũ, không phản ánh đúng bản chất của sự việc. Vì vậy, sự tồn tại *thể lực thù địch* duy nhất tồn tại trong suy nghĩ kia cũng là sự không tồn tại trong thực tế. Ngữ hướng là sự phân xét về các ý kiến phát biểu của các đại biểu Quốc hội. Vì vậy, đây là một lập luận có hàm ý bác bỏ về sự tồn tại *thể lực thù địch* trong thực tế: *không ai trong số các đại biểu Quốc hội là thuộc về thể lực thù địch*. Nên lý lẽ của lập luận này sẽ là: *Đại biểu Quốc hội thì sẽ không theo/thuộc về các thể lực thù địch*. Đây là loại lý lẽ thuộc về niềm tin cá nhân, lẽ

thường hoặc kiểu lý lẽ trách nhiệm.

* Quy trình xác định lý lẽ và phân tích lý lẽ

Đối với lý lẽ ở dạng tường minh, chỉ cần xác định các cụm, câu có mối quan hệ suy luận; khi đó sẽ có lý lẽ của lập luận (có thể là lý lẽ bộ phận hoặc lý lẽ khái quát cho đại lập luận).

Đối với lý lẽ hàm ẩn, để xác định lý lẽ, cần thực hiện theo quy trình gợi ý sau:

- Bước 1:

+ Xác định các tiền đề (/luận cứ), kết luận (có thể dựa trên các dấu hiệu chỉ dẫn lập luận, ngữ cảnh; kết luận có thể ở dạng tường minh hoặc ngầm ẩn).

+ Xác định kiểu quan hệ giữa tiền đề và kết luận.

- Bước 2: Khái quát hóa các trường biểu vật liên quan đến các yếu tố then chốt của tiền đề (/luận cứ) và kết luận.

- Bước 3: Diễn đạt lý lẽ bằng cách đặt các từ ngữ mang nghĩa biểu vật khái quát của tiền đề và kết luận trong mối quan hệ đã xác định.

Lưu ý: Có thể nhận biết nhanh qua dấu hiệu trong các kiểu sơ đồ lý lẽ (đơn) thường gặp.

* Quy trình tạo lập lập luận từ cơ sở lý lẽ

Đối với quá trình tạo lập lập luận, cần phải lấy lý lẽ làm tiền đề cơ sở. Khi đó, quy trình xây dựng lập luận cần thực hiện gồm:

- Bước 1: Xác định được lý lẽ, lựa chọn kiểu lý lẽ (Bước 3 trong quy trình tiếp nhận).

- Bước 2: Cụ thể hóa các thành tố trong lý lẽ thành các từ ngữ cụ thể (thuộc các lớp khái quát trong lý lẽ) là luận cứ, kết luận gắn liền với ngữ cảnh (Bước 2 trong quy trình tiếp nhận).

- Bước 3: Xây dựng mối liên hệ gắn kết giữa tiền đề và kết luận từ mối quan hệ trong lý lẽ (Bước 2, Bước 1 trong quy trình tiếp nhận). Chú ý việc sử dụng các chỉ dẫn lập luận phù hợp. Có thể đánh giá, so sánh vai trò, chức năng khác nhau của chúng để lựa chọn với mục đích lập luận. Có thể lược một số thành phần trong sơ đồ lập luận:

+ Các dữ kiện là tiền giả định có thể được nhận biết dễ dàng (trừ trường hợp mơ hồ, dễ gây hiểu lầm).

+ Một số quá trình suy ý hình thức để tạo ra sức mạnh của những lý lẽ hàm ẩn.

Quá trình tạo lập này sẽ là cơ sở xây dựng các lập luận phản biện trong tranh luận. Khi đánh giá một sự vật, sự việc có thể có nhiều kiểu lý lẽ khác nhau, thậm chí trái ngược nhau và dẫn đến các kết luận khác nhau. Khi đó, hoàn toàn có thể xác định được người nói trước đó đã vận dụng lý lẽ nào là căn cứ cho lập luận của mình. Người phản biện thấy lý lẽ đó chưa hợp lý thì cần phải chọn một lý lẽ phù hợp hơn để bác bỏ. Khi đó, người phản biện sẽ xây dựng lập luận từ chính lý lẽ vừa xác định.

Lưu ý: Trong quá trình xác định này, luôn luôn phải đặt lập luận trong mối quan hệ với ngữ cảnh, bối cảnh lập luận.

Dưới đây là một trường hợp phân tích và tạo lập lập luận từ sơ đồ lý lẽ theo phương pháp chất vấn:

Xét trường hợp lý lẽ theo phương pháp chất vấn về vụ việc xả lũ “đúng quy trình”:

(3) *Vì sao có chuyện xả lũ đúng quy trình mà người dân hạ du vẫn bị bắt ngờ, gây thiệt hại tài sản, mùa màng của người dân? Vấn đề này rất cần có câu trả lời của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường trước cử tri và Quốc hội.*

Vận dụng sơ đồ lý lẽ theo phương pháp chất vấn, có thể phân tích và tạo lập lý lẽ của lập luận này như sau:

- Xác định, phân tích

+ Bước 1: Xác định các tiền đề và các ký hiệu quy ước tương ứng với kiểu sơ đồ lý lẽ

xả lũ đúng quy trình: x

xả lũ không đúng quy trình: - x

dân được báo, sẽ biết: y

dân bất ngờ: - y

Xác định kiểu quan hệ:

Ta có d: $x \rightarrow -y$

$\rightarrow y = -x$ (quy tắc MT)

w: $x \rightarrow y$ (tiền giả định)

$\Rightarrow x = -x$ (quy tắc HS) (vô lý)

$\Rightarrow c$: tại sao d? (Tại sao x lại $-y$?).

+ Bước 2: (Khái quát hóa các trường biểu vật)

xả lũ đúng quy trình (x: lời nói của cơ quan chức năng)

dân lại bất ngờ (- y: thực tiễn)

+ Bước 3: (Diễn đạt lại)

Tại sao xả lũ đúng quy trình mà dân lại bất ngờ?

Lý lẽ trong lập luận này là lý lẽ theo phương pháp chất vấn về sự mâu thuẫn giữa lời nói và thực tiễn.

- Tạo lập:

Việc tạo lập lập luận trên với lý lẽ theo phương pháp chất vấn, cần thực hiện lại các bước ngược lại quá trình suy luận, phân tích ở trên.

+ Bước 1: Xác định mối quan hệ mâu thuẫn là cơ sở cho lý lẽ theo phương pháp chất vấn (mâu thuẫn giữa lời nói và thực tiễn).

+ Bước 2: Cụ thể hóa các thành tố trong lý lẽ gắn với ngữ cảnh: lời nói = xả lũ đúng

quy trình (ngữ cảnh cho biết cơ quan chức năng đã trả lời như vậy), thực tiễn = người dân bất ngờ.

+ Bước 3: Xây dựng mối liên hệ gắn kết tiền đề và kết luận. Đây là dạng lập luận đặc biệt với tiền đề là sự mâu thuẫn và kết luận là câu hỏi chất vấn về sự mâu thuẫn đó. Thực chất, để hướng đến một lập luận mạnh đòi hỏi câu hỏi chất vấn ở dạng khẳng định tu từ. Ta có thể xây dựng theo sơ đồ lý lẽ theo phương pháp chất vấn:

d: $x = -y$

$\Rightarrow y = -x$ (quy tắc MT)

w: $x = y$ (tiền giả định)

$\Rightarrow x = -x$ (HS) (vô lý)

Do đó c: tại sao/ có đúng d không?

Xác định các quy ước trình bày tương ứng với sơ đồ:

xả lũ đúng quy trình: x

người dân bất ngờ: y

dữ kiện/ tiền đề: d

tuyên bố/ kết luận: c

Vậy, ta có lập luận: Nếu xả lũ đúng quy trình thì người dân **không/đâu có/nào có** bất ngờ. Thực tế cho thấy người dân bất ngờ, thiệt hại tài sản, mùa màng. Vậy, tại sao lại đúng quy trình mà vẫn vậy? /Có đúng là xả lũ đúng quy trình hay không?...

4. Kết luận

Như vậy, qua một trường hợp nghiên cứu cụ thể, bài viết đã đưa ra được một số

sơ đồ lý lẽ tiêu biểu được sử dụng cho hầu hết các lập luận trong ngôn ngữ tự nhiên. Qua bài viết này, chúng tôi kiến nghị việc giảng dạy các sơ đồ lý lẽ cho học sinh - những chủ thể tương lai trong thời kỳ hội nhập. Nắm chắc được các yếu tố, mối quan hệ giữa các yếu tố trong mỗi sơ đồ lý lẽ sẽ tạo ra năng lực tiếp nhận và tạo lập lập luận. Đồng thời, việc tường minh hóa yếu tố hạn định trong mỗi kiểu sơ đồ lý lẽ giúp chúng ta có góc nhìn đa chiều khi xây dựng lập luận, tạo ra các câu hỏi phản biện phù hợp trong tranh biện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đức Dân, *Nhập môn logic hình thức, logic phi hình thức*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
- [2] Nguyễn Đức Dân, “Lý thuyết lập luận: Mô hình Toulmin”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 8+9, tr.25-39, 2019.
- [3] Nguyễn Đức Dân, *Muôn màu lập luận*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM, 2020.
- [4] Nguyễn Diệu Thương, *Lập luận trên diễn đàn Quốc hội qua những phiên chất vấn*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2022.
- [5] Aleven, V., *Teaching Case-Based Argumentation through an Example and Models*, Ph.D. Thesis, University of Pittsburgh, Pittsburgh, 1997.
- [6] Ashley, K., “Arguing by Analogy in Law: a Case-Based Model”, in *Analogical Reasoning*, D. H. Helman (ed.), pp. 205-224, Kluwer, Dordrecht, 1988.
- [7] Johnson, R. H., & Blair, J. A., *Informal logic and the reconfiguration of logic*, *Studies in Logic and Practical Reasoning*, Elsevier, 2002.
- [8] Toulmin, S., *The uses of argument*, Cambridge University Press, Cambridge, 1958.